

# **Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 9 năm 2017



# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010. Tuy nhiên, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tổ chức vào ngày 7 tháng 8 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty chính thức được hủy niêm yết vào ngày 15 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 506/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; và nuôi trồng thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại Lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại Lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Hiền	Thành viên	
Ông Lê Nam Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2017
Ông Mã Minh Quang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2017
Ông Lê Mạnh Đức	Thành viên	
Ông Hà Việt Thắng	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Minh Phương	Trưởng ban	
Ông Lương Nam Hữu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Hiền	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Dương Duy Tâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đình Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Chiếm Tấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Brian Soendergaard Vinther	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Hiền.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018



Số tham chiếu: 60933503/19356643-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 31 tháng 1 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được lập với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 375.691.166.770 VNĐ. Ngoài ra, cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Nhóm Công ty là 229.765.933.071 VNĐ và tổng nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 144.510.767.815 VNĐ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2223-2018-004-1



Nguyễn Thùy Trang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 1 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.798.800.936.095</b>	<b>2.568.231.047.104</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>16.501.252.371</b>	<b>104.799.463.386</b>
111	1. Tiền		16.501.252.371	104.799.463.386
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.575.366.082.643</b>	<b>1.592.121.669.672</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.785.151.113.652	1.481.031.021.245
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	92.465.316.504	111.257.004.616
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	26.243.283.449	14.116.066.065
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(328.493.630.962)	(14.282.422.254)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>203.247.868.178</b>	<b>867.061.114.505</b>
141	1. Hàng tồn kho		232.310.167.044	867.061.114.505
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(29.062.298.866)	-
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.685.732.903</b>	<b>4.248.799.541</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	746.425.193	1.118.350.258
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	2.939.307.710	3.130.449.283
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.497.364.091.710</b>	<b>1.066.687.529.208</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>75.000.000</b>	<b>329.830.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		75.000.000	329.830.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>913.546.508.244</b>	<b>437.801.354.516</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	912.591.758.244	436.846.604.516
222	Nguyên giá		1.240.037.592.832	661.956.749.674
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(327.445.834.588)	(225.110.145.158)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	954.750.000	954.750.000
228	Nguyên giá		2.227.478.775	2.227.478.775
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.272.728.775)	(1.272.728.775)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>430.464.081.557</b>	<b>491.454.753.838</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	430.464.081.557	491.454.753.838
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>153.278.501.909</b>	<b>137.101.590.854</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	134.572.593.731	122.713.435.921
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	18.705.908.178	14.388.154.933
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.296.165.027.805</b>	<b>3.634.918.576.312</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.456.857.743.220</b>	<b>2.416.357.044.808</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.943.311.703.910</b>	<b>1.916.481.944.437</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	344.328.420.088	200.906.694.506
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.678.909.360	5.433.322.023
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.077.466.574	6.821.469.152
314	4. Phải trả người lao động		310.474.412	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	7.230.605.995	7.140.354.556
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	34.615.900.400	32.021.782.605
320	7. Vay ngắn hạn	16	1.516.526.747.650	1.650.919.772.313
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	16.543.179.431	13.238.549.282
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>513.546.039.310</b>	<b>499.875.100.371</b>
338	1. Vay dài hạn	16	511.875.599.042	497.732.989.603
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.670.440.268	2.142.110.768
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>839.307.284.585</b>	<b>1.218.561.531.504</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18.1</b>	<b>839.307.284.585</b>	<b>1.218.561.531.504</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.045.319.350.000	1.045.319.350.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.045.319.350.000	1.045.319.350.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		23.753.867.656	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(229.765.933.071)	173.242.181.504
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		145.925.233.699	55.008.571.326
421b	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(375.691.166.770)	118.233.610.178
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.296.165.027.805</b>	<b>3.634.918.576.312</b>



Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập



Nguyễn Công Bằng  
Kế toán trưởng





Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	3.522.247.534.310	4.673.376.564.931
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(93.234.946.059)	(106.196.348.958)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng		3.429.012.588.251	4.567.180.215.973
11	4. Giá vốn hàng bán	20	(3.204.744.857.725)	(4.251.838.898.852)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		224.267.730.526	315.341.317.121
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	578.335.635	1.777.315.034
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(163.311.782.065) (159.780.933.768)	(108.804.709.465) (108.705.819.321)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(70.857.987.135)	(36.336.086.166)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(352.874.616.139)	(40.067.474.352)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(362.198.319.178)	131.910.362.172
31	11. Thu nhập khác	24	2.894.791.243	5.250.666.884
32	12. Chi phí khác	24	(9.092.194.325)	(194.762.309)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	24	(6.197.403.082)	5.055.904.575
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(368.395.722.260)	136.966.266.747
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(11.613.197.755)	(22.005.491.434)
52	16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	26.3	4.317.753.245	3.272.834.865
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(375.691.166.770)	118.233.610.178
70	18. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.5	(3.594)	1.097
71	19. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.5	(3.594)	1.097




Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập



Nguyễn Công Bằng  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(368.395.722.260)</b>	<b>136.966.266.747</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9	102.505.919.587	36.331.536.642
03	Dự phòng		342.801.837.074	6.565.169.122
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		54.287.300	19.156.187
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(585.233.334)
06	Chi phí lãi vay		159.780.933.768	108.705.819.321
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>236.747.255.469</b>	<b>288.002.714.685</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(282.801.316.300)	189.390.960.287
10	Giảm hàng tồn kho		634.750.947.461	2.777.076.397
11	Tăng các khoản phải trả		73.775.436.124	104.028.155.254
12	Tăng chi phí trả trước		(16.364.135.270)	(101.432.263.215)
14	Tiền lãi vay đã trả		(165.663.866.594)	(105.404.996.352)
15	Thuế TNDN đã nộp	13	(9.322.696.580)	(21.660.527.470)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(258.450.000)	(556.900.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>470.863.174.310</b>	<b>355.144.219.586</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(438.910.988.953)	(767.472.621.891)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		-	32.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		-	2.045.066.667
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(438.910.988.953)</b>	<b>(733.427.555.224)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.601.144.813.052	3.981.151.165.870
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.721.395.228.276)	(3.550.153.972.447)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(120.250.415.224)</b>	<b>430.997.193.423</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(88.298.229.867)	52.713.857.785
60	Tiền đầu năm		104.799.463.386	52.085.626.815
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.852	(21.214)
70	Tiền cuối năm	4	16.501.252.371	104.799.463.386



Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập



Nguyễn Công Bằng  
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010. Tuy nhiên, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tổ chức vào ngày 7 tháng 8 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty chính thức được hủy niêm yết vào ngày 15 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 506/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; và nuôi trồng thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại Lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại Lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 688 (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 713).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 4 công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Ngành nghề kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100
(2) Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100
(3) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100
(4) Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****2.1 *Giá định hoạt động liên tục***

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Trong năm, Nhóm Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 375.691.166.770 VND. Cũng tại ngày này, tổng nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 144.510.767.815 VND.

Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng Nhóm Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc đã lập lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo mà dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bao gồm việc thanh lý một phần giá trị các khoản đầu tư, cơ cấu lại của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 37 mà theo đó, Nhóm Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Các bên liên quan của Nhóm Công ty cũng cam kết rằng họ sẽ không yêu cầu Nhóm Công ty thanh toán cho các khoản nợ đã đề cập trên cho đến khi trách nhiệm pháp lý cho các bên thứ ba được giải quyết. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Nhóm Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty trong trường hợp Nhóm Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 *Kỳ kế toán năm***

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.6 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được trích hao mòn khi quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng là vô thời hạn.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Bản quyền phần mềm	5 năm
Gia súc	3 năm

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp HIDICO vào ngày 22 tháng 11 năm 2006 trong thời hạn 45 năm, Công ty Cổ phần Docimexco vào ngày 1 tháng 12 năm 2014 trong thời hạn 40 năm, Công ty Cổ phần Thanh Yên vào ngày 31 tháng 8 năm 2015 trong thời hạn 42 năm và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Hòa vào ngày 14 tháng 12 năm 2015 trong thời hạn 44 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.8 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.9 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.10 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.12 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	453.952.131	88.335.106
Tiền gửi ngân hàng	16.047.300.240	104.711.128.280
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.501.252.371</b>	<b>104.799.463.386</b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	1.387.732.516.482	997.010.317.604
<i>Trong đó:</i>		
Ông Lâm Hoàng Thái	191.129.303.974	94.599.664.303
Ông Phan Thanh Trí	177.160.636.530	165.384.410.345
Khách hàng khác	1.019.442.575.978	737.026.242.956
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	397.418.597.170	484.020.703.641
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.785.151.113.652</b>	<b>1.481.031.021.245</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(328.493.630.962)	(14.282.422.254)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.456.657.482.690</b>	<b>1.466.748.598.991</b>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.282.422.254	7.744.204.382
Dự phòng trích lập trong năm	314.211.208.708	7.063.385.493
Hoàn nhập trong năm	-	(525.167.621)
Số cuối năm	328.493.630.962	14.282.422.254



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	92.465.316.504	91.929.265.966
Trong đó:		
Công ty TNHH Thương mại An Tâm	34.134.746.871	15.830.640.000
Công Ty TNHH Xây dựng Thương mại Tạ Trương tại An Giang	8.000.000.000	-
Skiold A/S	7.781.749.578	-
Công ty TNHH Cơ khí – Thương mại – Xây dựng Tân Hoàng Tuấn	6.554.020.000	4.720.612.720
Lương Thị Bé	4.200.715.750	-
Phan Thị Kim Hên	3.100.000.000	-
Công ty TNHH Điện Tự Động Thuận Nhật	1.363.783.879	804.771.801
Công ty TNHH Một thành viên Nam Sơn Bình Định	-	12.573.005.000
Khác	27.330.300.426	58.000.236.445
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	19.327.738.650
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.465.316.504</b>	<b>111.257.004.616</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	10.018.381.160	10.402.820.242
Khác	16.224.902.289	3.713.245.823
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.243.283.449</b>	<b>14.116.066.065</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	123.172.111.399	585.955.186.246
Thành phẩm	52.432.484.773	60.624.548.083
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.979.040.573	2.871.812.838
Hàng đang đi trên đường	5.726.530.299	217.609.567.338
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>232.310.167.044</b>	<b>867.061.114.505</b>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>746.425.193</b>	<b>1.118.350.258</b>
Công cụ, dụng cụ	162.598.634	686.738.224
Khác	583.826.559	431.612.034
<b>Dài hạn</b>	<b>134.572.593.731</b>	<b>122.713.435.921</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	132.712.276.016	121.097.293.625
Công cụ, dụng cụ	1.807.924.348	1.266.142.298
Khác	52.393.367	349.999.998
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.319.018.924</b>	<b>123.831.786.179</b>

(\*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại nhà máy Sa Đéc và An Giang với giá trị còn lại là 17.691.585.627 VND để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.



# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

## 9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Gia súc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	152.884.127.357	455.797.839.904	49.907.228.957	3.367.553.456	-	661.956.749.674
Mua mới	-	5.797.362.000	5.816.300.000	-	-	11.613.662.000
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	243.193.959.706	235.510.306.028	1.004.477.000 (41.636.364)	625.977.379	87.570.754.131 (1.396.656.722)	567.905.474.244 (1.438.293.086)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	396.078.087.063	697.105.507.932	56.686.369.593	3.993.530.835	86.174.097.409	1.240.037.592.832
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	8.867.542.297	57.739.565.519	8.248.084.212	1.868.580.227	-	76.723.772.255
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	43.754.441.989	157.571.856.648	20.846.876.094	2.936.970.427	-	225.110.145.158
Khấu hao trong năm	21.256.721.645	53.342.426.282	5.491.427.663	266.338.758	22.149.005.239 (170.230.157)	102.505.919.587 (170.230.157)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	65.011.163.634	210.914.282.930	26.338.303.757	3.203.309.185	21.978.775.082	327.445.834.588
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	109.129.685.368	298.225.983.256	29.060.352.863	430.583.029	-	436.846.604.516
Số cuối năm	331.066.923.429	486.191.225.002	30.348.065.836	790.221.650	64.195.322.327	912.591.758.244

Nhóm Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và số cuối năm	954.750.000	926.532.000	346.196.775	2.227.478.775
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	926.532.000	346.196.775	1.272.728.775
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm và số cuối năm	-	926.532.000	346.196.775	1.272.728.775
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm và số cuối năm	954.750.000	-	-	954.750.000

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng nhà xưởng	418.558.333.407	165.567.763.511
Trại heo	11.905.748.150	177.213.897.937
Dây chuyền sản xuất thức ăn	-	135.459.623.632
Khác	-	13.213.468.758
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>430.464.081.557</b>	<b>491.454.753.838</b>

Trong năm, Nhóm Công ty đã phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa là 16.086.411.876 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016: 13.658.536.928 VND).

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho nhà cung cấp	213.147.918.900	190.586.241.746
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông Sản Việt	28.781.699.175	34.157.122.575
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Thương mại Cowin	7.247.357.800	28.143.557.400
Công ty TNHH Vietfarm	7.676.573.953	24.756.141.070
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Toàn Thắng Plastics	-	14.719.738.732
Khác	169.442.287.972	88.809.681.969
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	131.180.501.188	10.320.452.760
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>344.328.420.088</b>	<b>200.906.694.506</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế TNDN	6.713.309.982	11.613.197.755	(9.322.696.580)	9.003.811.157
Thuế thu nhập cá nhân	94.312.352	5.978.435.410	(5.235.781.206)	836.966.556
Thuế giá trị gia tăng	10.246.818	497.858.611	(501.603.520)	6.501.909
Thuế nhập khẩu	-	5.683.124.670	(5.458.505.718)	224.618.952
Khác	3.600.000	688.971.491	(687.003.491)	5.568.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.821.469.152</b>	<b>24.461.587.937</b>	<b>(21.205.590.515)</b>	<b>10.077.466.574</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.939.307.710	240.013.391	(240.013.391)	2.939.307.710
Thuế nhập khẩu	191.141.573	-	(191.141.573)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.130.449.283</b>	<b>240.013.391</b>	<b>(431.154.964)</b>	<b>2.939.307.710</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	6.249.999.510	5.882.932.826
Khác	980.606.485	1.257.421.730
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.230.605.995</b>	<b>7.140.354.556</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị ước tính của tài sản hoàn thành	29.790.232.665	-
Các khoản bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải trả	1.050.289.484	885.579.500
Cố tức phải trả	56.999.050	56.999.050
Tiền mượn phải trả (*)	-	27.227.316.350
Khác	3.718.379.201	3.851.887.705
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.615.900.400</b>	<b>32.021.782.605</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	302.292.000	27.227.316.350
<i>Phải trả bên khác</i>	34.313.608.400	4.794.466.255

(\*) Đây là khoản mượn tín chấp, phí lãi suất và thanh toán theo yêu cầu của bên cho mượn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

16. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.516.526.747.650</b>	<b>1.650.919.772.313</b>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	1.238.473.056.650	1.584.919.772.313
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2 và 16.3)	278.053.691.000	66.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>511.875.599.042</b>	<b>497.732.989.603</b>
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	511.875.599.042	339.271.461.403
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 16.3)	-	158.461.528.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.028.402.346.692</u></b>	<b><u>2.148.652.761.916</u></b>

*Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:*

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	1.650.919.772.313	497.732.989.603
Tiền thu từ đi vay	2.309.540.675.413	291.604.137.639
Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.721.987.391.076)	-
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn phải trả	278.053.691.000	(278.053.691.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	592.162.800
Số cuối năm	<u>1.516.526.747.650</u>	<u>511.875.599.042</u>



## Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

### 16. VAY (tiếp theo)

#### 16.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>1.238.473.056.650</u>	Từ ngày 6 tháng 10 năm 2017 đến ngày 3 tháng 5 năm 2018	Từ 6,50 đến 7,50	Các công trình, hạng mục phụ trợ xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị sẵn xuất hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư mở rộng nhà máy Việt Thắng tại Lai Vung trị giá 376.625.000.000 VND. Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Long Hậu, Khu Công nghiệp Sa Đéc và Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp

Các khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu nguồn vốn lưu động của Nhóm Công ty.

# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thăng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

## 16. VAY (tiếp theo)

### 16.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày như sau:

Hợp đồng tín dụng số	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Mục đích
02/2015/546088/HĐTD	265.872.468.889	Trả hàng quý, từ ngày 15 tháng 12 năm 2017 đến ngày 15 tháng 9 năm 2020	9,40	Các công trình, hạng mục phụ trợ xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư mở rộng nhà máy Việt Thăng tại Lai Vung có giá trị 376.625.000.000 VND	Đầu tư mở rộng nhà máy tại Lai Vung
01/2016/8192235/HĐTD	234.182.441.862	Trả hàng quý, từ ngày 22 tháng 11 năm 2017 đến ngày 22 tháng 8 năm 2021	10,90	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư nhà máy thức ăn chăn nuôi Việt Thăng Long An có giá trị 724.000.000.000 VND	Đầu tư nhà máy thức ăn chăn nuôi
01/2016/8627361/HĐTD	130.820.688.291	Trả hàng quý, từ ngày 28 tháng 3 năm 2018 đến ngày 28 tháng 12 năm 2023	10,90	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư trại giống công nghệ cao Việt Thăng An Giang có giá trị 231.000.000.000 VND	Đầu tư dự án trại heo giống công nghệ cao

### TỔNG CỘNG

**630.875.599.042**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

Vay dài hạn

119.000.000.000

511.875.599.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

16. VAY (tiếp theo)

16.3 Trái phiếu phát hành

Chi tiết trái phiếu vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND	Kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	Ngày 18 tháng 12 năm 2015	160.000.000.000	5 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		(946.309.000)	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>159.053.691.000</b>	
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả		159.053.691.000	
Vay dài hạn		-	

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 200 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang (“VIB”) đặt mua theo Hợp đồng Mua bán Trái phiếu Số 0039/HDMBTP/2015/VIB-VTF (“Hợp đồng”).

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành, trả lãi sáu (6) tháng một lần, với lãi suất 7,5%/năm cho hai (2) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Hội sở/ Sở Giao dịch của VIB, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 2,5%/năm.

Công ty cam kết mua lại trái phiếu như sau:

- Vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ;
- Vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ;
- Vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ; và
- Vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình, nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác hình thành từ các chương trình đầu tư được tài trợ bởi tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu. Ngoài ra, toàn bộ nghĩa vụ thanh toán liên quan đến trái phiếu được bảo lãnh bởi Ông Dương Ngọc Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, theo các điều khoản và điều kiện của Thư bảo lãnh ngày 16 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty không duy trì được hệ số Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu và hệ số năng lực trả nợ như đã cam kết trong Hợp đồng. Vì vậy, toàn bộ giá trị trái phiếu được phân loại thành vay dài hạn đến hạn trả.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>VND</i>
Số đầu năm	13.238.549.282	13.795.449.282
Tăng trong năm	3.563.080.149	-
Sử dụng trong năm	<u>(258.450.000)</u>	<u>(556.900.000)</u>
Số cuối năm	<u>16.543.179.431</u>	<u>13.238.549.282</u>

## Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 *Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					VND
Số đầu năm	418.127.810.000	203.825.180.000	139.644.123.910	296.918.026.416	1.058.515.140.326
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	118.233.610.178	118.233.610.178
Phát hành cổ phiếu thưởng	627.191.540.000	(203.825.180.000)	(139.644.123.910)	(283.722.236.090)	-
Hoàn nhập cổ tức công bố	-	-	-	41.812.781.000	41.812.781.000
Số cuối năm	<u>1.045.319.350.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>173.242.181.504</u>	<u>1.218.561.531.504</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	1.045.319.350.000	-	-	173.242.181.504	1.218.561.531.504
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(375.691.166.770)	(375.691.166.770)
Phân phối lợi nhuận	-	-	23.753.867.656	(23.753.867.656)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.563.080.149)	(3.563.080.149)
Số cuối năm	<u>1.045.319.350.000</u>	<u>-</u>	<u>23.753.867.656</u>	<u>(229.765.933.071)</u>	<u>839.307.284.585</u>

# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Hùng Vương	944.788.020.000	90,38	944.788.020.000	90,38
Các cổ đông khác	100.531.330.000	9,62	100.531.330.000	9,62
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.045.319.350.000</b>	<b>100,00</b>	<b>1.045.319.350.000</b>	<b>100,00</b>

### 18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	1.045.319.350.000	418.127.810.000
Tăng trong năm	-	627.191.540.000
Số cuối năm	<u>1.045.319.350.000</u>	<u>1.045.319.350.000</u>
<b>Cổ tức công bố</b>	-	<b>(41.812.781.000)</b>

### 18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	104.531.935	104.531.935
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	104.531.935	104.531.935
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	104.531.935	104.531.935

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 10.000 VND).

### 18.5 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận thuần trong năm (VND)	(375.691.166.770)	118.233.610.178
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.563.080.149)
<b>(Lỗ) lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)</b>	<b>(375.691.166.770)</b>	<b>114.670.530.029</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân (*)	104.531.935	104.531.935
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(3.594)	1.097
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(3.594)	1.097

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

## 19. DOANH THU

### 19.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.522.247.534.310</b>	<b>4.673.376.564.931</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản</i>	3.091.912.674.167	4.404.502.150.601
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc</i>	416.503.769.467	237.894.371.674
<i>Doanh thu bán heo</i>	6.843.164.290	4.494.920.000
<i>Doanh thu bán nguyên liệu</i>	5.947.234.600	24.775.372.200
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	1.040.691.786	1.709.750.456
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(93.234.946.059)</b>	<b>(106.196.348.958)</b>
Chiết khấu thương mại	(93.227.986.359)	(106.173.634.173)
Hàng bán bị trả lại	(6.959.700)	(22.714.785)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>3.429.012.588.251</b>	<b>4.567.180.215.973</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản</i>	3.033.484.037.559	4.312.336.253.290
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc</i>	381.697.460.016	223.863.920.027
<i>Doanh thu bán heo</i>	6.843.164.290	4.494.920.000
<i>Doanh thu bán nguyên liệu</i>	5.947.234.600	24.775.372.200
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	1.040.691.786	1.709.750.456
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với khách hàng</i>	2.905.636.544.184	3.892.487.171.873
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	523.376.044.067	674.693.044.100

### 19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	465.409.552	686.639.803
Lãi tiền gửi	105.141.080	1.090.675.231
Khác	7.785.003	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>578.335.635</b>	<b>1.777.315.034</b>

## 20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thức ăn thủy sản	2.797.185.469.245	4.007.291.480.259
Giá vốn thức ăn gia súc	356.952.463.145	215.172.072.322
Giá vốn heo	16.434.930.998	5.082.197.819
Giá vốn nguyên liệu	5.109.695.471	24.293.148.452
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	29.062.298.866	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.204.744.857.725</b>	<b>4.251.838.898.852</b>

# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	159.780.933.768	108.705.819.321
Phí sắp xếp tín dụng	2.713.577.313	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	815.634.084	98.890.144
Khác	1.636.900	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>163.311.782.065</u></b>	<b><u>108.804.709.465</u></b>

## 22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	40.923.803.608	17.774.761.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.241.408.254	7.956.160.092
Chi phí vật liệu bán hàng	2.565.877.839	2.175.929.585
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	665.347.335	629.317.609
Chi phí khác	13.461.550.099	7.799.917.360
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>70.857.987.135</u></b>	<b><u>36.336.086.166</u></b>

## 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lập dự phòng các khoản phải thu	314.382.208.708	6.538.217.872
Chi phí nhân công	20.271.767.923	16.910.966.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.586.099.729	6.326.230.878
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.750.632.170	2.830.597.009
Chi phí vật liệu quản lý	224.363.758	189.015.315
Chi phí khác	7.659.543.851	7.272.446.296
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>352.874.616.139</u></b>	<b><u>40.067.474.352</u></b>

## 24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.894.791.243</b>	<b>5.250.666.884</b>
Tiền bồi thường từ bảo hiểm	2.078.223.533	4.266.728.600
Thu nhập khác	816.567.710	983.938.284
<b>Chi phí khác</b>	<b>(9.092.194.325)</b>	<b>(194.762.309)</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản	(5.629.974.328)	-
Chi phí khác	(3.462.219.997)	(194.762.309)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>(6.197.403.082)</u></b>	<b><u>5.055.904.575</u></b>

# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

## 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	3.036.576.519.973	4.092.164.763.438
Chi phí nhân công	116.379.148.014	95.235.011.396
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	102.590.735.523	36.175.666.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.171.441.699	47.755.095.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	29.062.298.866	-
Chi phí khác	327.689.512.297	27.778.463.069
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.651.469.656.372</u></b>	<b><u>4.299.108.999.792</u></b>

## 26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### *Thuế suất thuế TNDN của Công ty*

Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 15% thu nhập chịu thuế cho 12 năm đầu tiên và 20% thu nhập chịu thuế cho các năm sau. Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh chính trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2004), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong bảy (7) năm tiếp theo.

Ngoài ra, đối với dự án Sa Đéc 2, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh chính trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2009), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong năm (5) năm tiếp theo.

### *Thuế suất thuế TNDN của các công ty con*

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các Chứng nhận đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.613.197.755	22.005.491.434
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(4.317.753.245)	(3.272.834.865)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.295.444.510</u></b>	<b><u>18.732.656.569</u></b>



# Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

## 26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(368.395.722.260)</b>	<b>136.966.266.747</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	(73.679.144.451)	28.078.084.683
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	70.647.414.647	189.042.209
<b>(Thu nhập) chi phí thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty</b>	<b>(3.031.729.804)</b>	<b>28.267.126.892</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước:	10.606.186	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(3.923.900.903)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	-	(5.610.569.420)
<b>(Thu nhập) chi phí thuế TNDN</b>	<b>(3.021.123.618)</b>	<b>18.732.656.569</b>

### 26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ) thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chiết khấu thương mại	9.114.209.687	10.901.563.518	(1.787.353.831)	1.836.847.343
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.792.322.528	2.856.484.451	4.935.838.077	1.307.643.575
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.431.706.909	11.735.906	1.419.971.003	11.735.906
Dự phòng trợ cấp thôi việc	334.088.054	428.422.154	(94.334.100)	5.390.250
Chi phí phải trả	33.581.000	70.550.144	(36.969.144)	(8.026.933)
Khác	-	119.398.760	(119.398.760)	119.244.724
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>18.705.908.178</b>	<b>14.388.154.933</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>4.317.753.245</b>	<b>3.272.834.865</b>

## Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

### 27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu Bán thức ăn thủy sản Cho mượn tiền Cho mượn nguyên vật liệu Khác	559.256.287.200 115.165.873.800 56.500.000.000 12.631.786.579 302.292.000	- 5.227.674.000 - - -
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	225.183.233.370	626.114.170.400
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	136.854.655.716	-
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	125.080.506.000	33.314.307.500
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu Bán nguyên vật liệu Cho mượn nguyên vật liệu	10.594.122.000 5.785.497.000 -	8.554.982.760 10.036.892.200 1.312.404.800
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Cho mượn nguyên vật liệu Chi phí gia công Bán công cụ, dụng cụ Bán nguyên vật liệu	8.181.160.500 1.234.338.000 776.200.000 6.028.800	- 18.266.976.000 - -
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	5.889.643.050	5.370.189.650
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản Mua nguyên vật liệu	64.393.094.024 61.658.705.097	100.011.372.654 137.437.511.272
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	221.010.757.256
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	Mượn tiền	-	35.000.000.000

## Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

### 27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong năm và năm trước như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí liên quan	9.547.294.221	6.408.581.531

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND
				Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	300.142.280.570	417.984.989.600
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn thủy sản	87.823.070.800	5.227.674.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu Bán công cụ, dụng cụ Bán thức ăn thủy sản	5.807.900.000 853.820.000 6.028.800	5.807.900.000 - -
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	2.785.497.000	4.324.392.200
Công ty TNHH Cao Trí (*)	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	-	36.475.978.341
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	-	14.199.769.500
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>397.418.597.170</b>	<b>484.020.703.641</b>

### Ứng trước ngắn hạn cho nhà cung cấp

Công ty TNHH Cao Trí (*)	Bên liên quan	Mua thức ăn thủy sản	-	19.327.738.650
--------------------------	---------------	----------------------	---	----------------

(\*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty TNHH Cao Trí không phải là bên liên quan của Công ty



## Công ty Cổ phần Thực ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

### 27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	113.503.167.400	-	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	13.943.597.228	-	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi phí gia công	2.128.146.000	893.808.000	893.808.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	1.605.590.560	8.554.982.760	8.554.982.760
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	871.662.000	871.662.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>131.180.501.188</b>	<b>10.320.452.760</b>	
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	6.719.724.500	-	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Others	302.292.000	-	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	Mượn tiền	-	27.227.316.350	27.227.316.350
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>302.292.000</b>	<b>27.227.316.350</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**28. CÁC CAM KẾT**

***Các cam kết thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	43.722.035.200	111.817.233.579
Trên 1 – 5 năm	43.865.605.008	20.633.300.782
Trên 5 năm	376.440.424.397	44.226.787.278
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>464.028.064.605</b>	<b>176.677.321.639</b>

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017. Nhóm Công ty có khoản cam kết trị giá 858.700.387.929 VND; và 4.249.312 Euro (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 1.024.342.172.303 VND và 66.288 Euro) liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng, lắp đặt và mua sắm các máy móc và thiết bị mới phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

 _____ Nguyễn Ngọc Thắm Người lập	 _____ Nguyễn Công Bằng Kế toán trưởng	  _____ Nguyễn Quang Hiền Tổng Giám đốc
---	--	--

Ngày 31 tháng 1 năm 2018